

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp”,
mã số: **KC.07/21-30****

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KC.07/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng

PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp”, mã số: KC.07/21-30

(Kèm theo Quyết định số 1252/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Mục tiêu

1. Ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và phụ phẩm nhằm nâng cao chuỗi giá trị trong sản xuất phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.
2. Làm chủ được công nghệ chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị tiên tiến trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và phụ phẩm phù hợp với điều kiện ứng dụng tại Việt Nam.
3. Phát triển được một số mô hình ứng dụng đồng bộ công nghệ và thiết bị tiên tiến phục vụ sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản.

II. Nội dung

1. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến trong sơ chế bảo quản, chế biến đa dạng hóa sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực có tiềm năng xuất khẩu, giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao.
2. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến và phù hợp trong chế biến phụ phẩm nông lâm thủy sản, ưu tiên các công nghệ thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.
3. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị đặc thù trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung có tiềm năng và lợi thế phát triển của các vùng, miền.
4. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị tiên tiến trong canh tác, nuôi trồng một số loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng phát triển ở quy mô công nghiệp.
5. Nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công nghệ, tích hợp các giải pháp kỹ thuật mới để phát triển một số mô hình sản xuất tiên tiến, đồng bộ theo chuỗi giá trị từ khâu canh tác, nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm ở quy mô công nghiệp.

III. Dự kiến sản phẩm

1. Các quy trình công nghệ tiên tiến trong sơ chế bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và phụ phẩm phù hợp với điều kiện ứng dụng tại Việt Nam.

2. Bộ tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ canh tác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và phụ phẩm.

3. Các máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị tiên tiến ứng dụng trong sơ chế bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và phụ phẩm.

4. Các máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị cơ giới hóa tiên tiến ứng dụng trong canh tác, nuôi trồng một số loại cây trồng, vật nuôi.

5. Một số mô hình sản xuất tiên tiến, đồng bộ theo chuỗi liên kết từ khâu canh tác, nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản quy mô công nghiệp.

6. Các sản phẩm được chế biến từ nông lâm thủy sản và phụ phẩm có chất lượng và giá trị gia tăng cao đáp ứng nội tiêu hoặc xuất khẩu.

IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học

Giải pháp, quy trình công nghệ, sản phẩm được tạo ra có tính năng kỹ thuật, kiểu dáng, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với các công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

V. Chỉ tiêu đánh giá

1. Về ứng dụng vào thực tiễn:

- 100% số nhiệm vụ có sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về chất lượng và an toàn thực phẩm hoặc có chất lượng tương đương với sản phẩm cùng loại của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- 50% công nghệ, máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị tạo ra có tính năng tương đương với sản phẩm tiên tiến cùng loại trên thế giới.

- 50% số nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng, trong đó 20% số nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa.

2. Về trình độ khoa học:

- 100% số nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- Ít nhất 20% số nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

3. Về sở hữu trí tuệ:

- Ít nhất 50% số nhiệm vụ có đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) được chấp nhận, trong đó 20% số nhiệm vụ có bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được công nhận.

4. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

- 60% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo sau đại học, trong đó 20% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo tiến sĩ.

5. Về cơ cấu nhiệm vụ:

- 50% số nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia thực hiện.
- 20% số nhiệm vụ do doanh nghiệp chủ trì thực hiện./.

HL

)